

# DẤU ẤN TÔN TRUNG SƠN Ở VIỆT NAM

NGUYỄN VĂN KHÁNH\*

Tôn Trung Sơn tức Tôn Đạt Tiên (sinh ngày 12-11-1866, mất ngày 12-3-1925) là một nhà dân chủ vĩ đại, một nhân vật hàng đầu trong lịch sử Cận - Hiện đại Trung Quốc. Năm 1905, Ông đề ra chủ nghĩa Tam dân nổi tiếng với ba chủ thuyết: Chủ nghĩa dân tộc, Chủ nghĩa dân quyền và Chủ nghĩa dân sinh, đồng thời thành lập tổ chức *Trung Quốc Đồng minh hội cách mạng* để cổ động cho Chủ nghĩa Tam dân và tuyên truyền vận động quần chúng. Ông là người tổ chức cuộc Cách mạng Tân Hợi và trở thành người đứng đầu Nhà nước Cộng hòa Dân chủ đầu tiên ở Trung Quốc cho đến khi qua đời.

Trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, kể từ khi âm mưu khởi nghĩa chiếm Quảng Châu làm căn cứ (năm 1895) thất bại đến lúc Cách mạng Tân Hợi thành công (năm 1911), Tôn Trung Sơn gần như bốn ba sống và hoạt động ở nước ngoài, hết châu Á, châu Âu rồi đến Mĩ (1). Đặc biệt, Ông đã nhiều lần đến Việt Nam, dựa vào Việt Nam và phối hợp với các lực lượng dân chủ, yêu nước tiến bộ ở Việt Nam để chuẩn bị binh lực và tổ chức khởi nghĩa chống lại chính quyền Mãn Thanh. Trong những năm sau này, mặc dù không có điều kiện trực tiếp đến Việt Nam, nhưng dấu ấn và âm hưởng tư tưởng và sự nghiệp của Ông đã để lại khá sâu đậm trong các tầng lớp nhân dân, các tổ chức yêu nước và nhất là đã tác động

manh mẽ đến cuộc vận động của phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam.

## 1. Những hoạt động của Tôn Trung Sơn tại Việt Nam đầu thế kỷ XX

Dấu ấn đầu tiên là những cuộc viếng thăm Việt Nam để tìm hiểu tình hình, tuyên truyền cách mạng trong giới Hoa kiều, đồng thời chuẩn bị lực lượng và tổ chức thực hiện những dự mưu khởi nghĩa chống lại chính quyền Mãn Thanh trong khoảng thời gian từ 1900 đến 1908.

Cuộc ghé thăm đầu tiên của Tôn Trung Sơn đến nước ta là vào ngày 21-6-1900, lần này ông đến từ Hồng Kông qua cảng Sài Gòn rồi lưu lại ở đây hơn 2 tuần, đến ngày 8-7-1900 thì rời đi Singapore (2).

Lần thứ hai Tôn Trung Sơn đến Việt Nam theo lời mời của Toàn quyền Đông Dương (qua viên Công sứ Pháp ở Tokyo). Ông tới Hà Nội vào ngày 13-12-1902 (3) và ở đến đầu năm 1903 thì rời đi Mĩ theo đường Nhật Bản. Trong lần viếng thăm này, ngoài mục đích tham dự hội chợ. Ông còn tiến hành gặp gỡ, tiếp xúc với một số Hoa kiều nhằm tuyên truyền, thu phục tập hợp lực lượng cách mạng. Chính Tôn Trung Sơn đã kể lại trong cuốn *Tự truyện* của mình rằng: "Khi ở Hà Nội tôi có biết các thương nhân người Hoa như Hoàng Long Sinh, Chân Cát Đình, Chân Bích, Dương Thọ Bành, Tăng Tế, về sau kết làm đồng chí. Họ đã góp sức rất nhiều cho các chiến

\*GS. TS. Trường Đại học KHXH&NV-ĐHQGHN

dịch Khâm Liêm, Hà Khẩu (tức các vùng lãnh thổ thuộc hai tỉnh Vân Nam và Lương Quảng, mà ít lâu sau, Ông đã chuẩn bị lực lượng tổ chức khởi nghĩa) (4). Cuối năm 1905, Chính phủ Nhật Bản đã chấp thuận yêu cầu của chính quyền Mãn Thanh quyết định trục xuất Tôn Trung Sơn khỏi đất Nhật Bản vì các hoạt động cách mạng. Ông buộc phải cùng một số chiến hữu như Hồ Hán Dân, Uông Tinh Vệ tới Việt Nam tỵ nạn cho tới đầu năm 1906. Theo tác giả Dương Trung Quốc thì lần này, Tôn Trung Sơn ở Sài Gòn trong khoảng hơn nửa năm rồi rời qua Indônêxia. Nhưng căn cứ vào cuốn *Tự truyện* thì Tôn Trung Sơn đã lưu trú ở Hà Nội và đã thành lập tại đây một tổ chức có lẽ là chi nhánh *Đông Minh hội* (gọi là cơ quan bộ) để chuẩn bị đẩy mạnh công tác tuyên truyền và chuẩn bị công việc khởi nghĩa (5).

Lần cuối cùng, Tôn Trung Sơn đến Việt Nam là vào khoảng tháng 3 năm 1907 và lưu lại lâu nhất, khoảng hơn 1 năm.

Tại Hà Nội, Ông ngụ tại số nhà 22 phố Hàng Buồm, rồi mở một quán trà tại một ngôi nhà cùng phố. Tiếp đó, Ông công khai thành lập trụ sở của *Trung Quốc Đông minh hội* ở số 61 đường Gambetta (nay là phố Trần Hưng Đạo). Nhằm thực hiện mục đích khởi nghĩa, Ông đã liên lạc với bên ngoài, tổ chức mua và vận chuyển vũ khí từ Nhật về biên giới Trung Quốc, đồng thời chiêu tập lực lượng nổi dậy ở Việt Nam. Chính trong thời gian này, Tôn Trung Sơn đã có nhiều mối liên hệ với các nhà yêu nước Việt Nam như Hoàng Hoa Thám và các sĩ phu trong Trường Đông Kinh Nghĩa Thục Hà Nội, trong đó có Nguyễn Quyền để bàn việc phối hợp tác chiến. Thậm chí, có lần Ông còn xuống tận Thái Bình để tiếp xúc với Tổng đốc Trần Đình Lập (6). Được sự hỗ trợ từ nhiều phía, lực lượng nghĩa

quân của Ông đã đông tới hàng ngàn người. Với lực lượng này, Tôn Trung Sơn quyết định tiến đánh vùng duyên hải từ Phòng Thành đến Đông Hưng. Theo kế hoạch, nghĩa quân nổi dậy khởi nghĩa, nhưng đến khi phá được Phòng Thành thì lại rơi vào tình trạng thiếu vũ khí chiến đấu do kế hoạch mua và chuyển vũ khí từ Nhật Bản không thành công. Trước tình hình đó, lực lượng nổi dậy buộc phải rút lui vào Thập Vạn Đại Sơn để bảo toàn lực lượng, chuẩn bị kế hoạch lâu dài.

Sau thất bại này, vào khoảng cuối tháng 10 năm 1907, Tôn Trung Sơn lại tập hợp một đội quân và từ vùng biên giới Việt Nam ở Lạng Sơn tiến đánh Trấn Nam Quan (tức Hữu Nghị Quan), nhằm tạo chỗ đứng chân cho cách mạng. Kết quả là, quân cách mạng Trung Hoa đã thu thắng lợi lớn. Sau khi chiếm được Trấn Nam Quan, thu hàng binh, Tôn Trung Sơn dự định phối hợp với lực lượng nghĩa quân ở Thập Vạn Đại Sơn tiến công Khâm Châu. Nhưng kế hoạch phối hợp tác chiến đã không thành công. Cuối cùng, đội nghĩa quân của Ông đã buộc phải phối hợp cùng lực lượng của Long Tế Quang ở Lương Quảng (gồm vài ngàn người) duy trì cầm cự cuộc chiến đấu trong 7 ngày đêm, rồi rút sang Việt Nam. Khi Tôn Trung Sơn chạy đến Lạng Sơn thì bị quân Thanh phát hiện nên đã báo Tổng đốc Lương Quảng biết và viên quan này đã yêu cầu chính quyền Pháp trục xuất Ông khỏi Việt Nam.

Ngoài việc trực tiếp lãnh đạo nghĩa quân khởi nghĩa ở Phòng Thành, Khâm Châu, Tôn Trung Sơn còn chỉ đạo một vài cuộc nổi dậy qui mô nhỏ ở dọc vùng biên giới tỉnh Vân Nam, nhưng rốt cuộc chỉ có trận Hà Khẩu giành được thắng lợi, các cuộc nổi dậy khác đều không tránh khỏi

kết cục thất bại, buộc bộ phận lớn nghĩa quân phải rút sang Việt Nam nương náu.

Để tổ chức thu phục tập hợp lực lượng và chuẩn bị vũ khí nổi dậy khởi nghĩa, Tôn Trung Sơn đã tiến hành vận động quyên góp và tranh thủ sự ủng hộ giúp đỡ của các chí sĩ Việt Nam, và nhất là của nhiều đồng bào Hoa kiều đang sinh sống và làm ăn tại Hà Nội và Sài Gòn. Ở Chợ Lớn, Sài Gòn có người như Hoàng Cảnh Nam đã hiến toàn bộ tài sản để giúp việc tuyển mộ quân sĩ và chi phí các hoạt động cho nghĩa quân. Ngoài ra, các thương gia lớn ở Sài Gòn như Lý Trác Phong, Tăng Tích Thu, Mã Bồi Sinh, mỗi người quyên góp mấy mươi ngàn đồng. Theo đánh giá của Tôn Trung Sơn thì “đó cũng là việc làm hiếm thấy lúc bấy giờ” (7).

Sau những thất bại trong công cuộc khởi nghĩa, Tôn Trung Sơn lại rời khỏi Việt Nam và đi chu du (như lời Ông nói) sang Singapore (8) rồi Mĩ, Nhật Bản để tiếp tục tìm nguồn tài chính cho cách mạng.

Như vậy, trong thập kỷ đầu tiên của thế kỷ XX, Việt Nam đã trở thành điểm tựa và là địa bàn hoạt động thường xuyên của Tôn Trung Sơn. Để thực hiện mục tiêu lật đổ nhà Thanh, Ông đã nhiều lần qua lại Việt Nam: lần ngắn là hai tuần, lần lâu đến hơn một năm để tuyên truyền cách mạng, thu phục và chuẩn bị lực lượng. Đặc biệt, Ông còn tiến hành tiếp xúc, liên lạc với một số sĩ phu yêu nước Việt Nam để bàn kế hoạch phối hợp hành động.

Trong khoảng thời gian từ cuối năm 1907 đến đầu 1908, Tôn Trung Sơn đã trực tiếp chỉ đạo tổ chức nhiều cuộc khởi nghĩa ở hai tỉnh Quảng Tây và Vân Nam, trong đó có trận đánh tại Trấn Nam Quan vào tháng 10-1907. Kết quả của trận thắng này cùng với các hoạt động vũ trang của quân

đội cách mạng Trung Quốc do Tôn Trung Sơn lãnh đạo ở dọc vùng biên giới Việt - Trung thuộc các tỉnh Quảng Tây và Vân Nam đã không chỉ trực tiếp làm lung lay nền thống trị nhà Thanh mà còn góp phần cổ vũ động viên những người yêu nước Việt Nam trong công cuộc đấu tranh để quốc Pháp, giải phóng dân tộc vào đầu thế kỷ XX.

## 2. Ảnh hưởng của tư tưởng Tôn Trung Sơn trong các tổ chức yêu nước và cách mạng ở Việt Nam những năm 1920

Trên một phương diện khác, dấu ấn Tôn Trung Sơn còn để lại khá đậm nét trong tư tưởng và đường lối chính trị của các tổ chức yêu nước và cách mạng Việt Nam như *Việt Nam Quang Phục hội* và *Việt Nam Quốc dân đảng*.

Như chúng ta đã biết, tháng 2 năm 1912, tại từ đường nhà Tướng quân Cờ đen Lưu Vinh Phúc ở tỉnh Quảng Đông, Phan Bội Châu và một số sĩ phu yêu nước Việt Nam đã quyết định thủ tiêu *Duy Tân hội*, thành lập *Việt Nam Quang Phục hội*. Do sinh sống trên đất Trung Quốc, nhất là đã từng có quan hệ và chịu ảnh hưởng của *Đồng minh hội* do Tôn Trung Sơn lãnh đạo nên Phan Bội Châu và các sĩ phu Việt Nam không thể không bị tác động về mặt tư tưởng. Chính vì vậy, trong tôn chỉ của *Việt Nam Quang phục hội* đã ghi rõ mục tiêu “*Đánh đuổi đế quốc Pháp, khôi phục Việt Nam, thành lập nước Cộng hòa dân quốc Việt Nam*”. Về cơ cấu tổ chức và phương hướng hành động của tổ chức *Việt Nam Quang phục hội* cũng có nhiều điểm giống *Trung Quốc Đồng minh hội*, mặc dù ở trình độ thấp hơn (9). Sau khi Tôn Trung Sơn mất, tư tưởng và sự nghiệp cách mạng của Ông tiếp tục có ảnh hưởng mạnh mẽ trong các tầng lớp nhân dân cũng như trong các

tổ chức yêu nước Việt Nam, trong đó có *Việt Nam Quốc dân đảng* mà tiên thân là *Nam Đông Thu xã*. Được thành lập vào năm 1926, *Nam Đông Thu xã* do Phạm Tuấn Tài làm chủ nhiệm, đã tập hợp một số trí thức tiểu tư sản mà hầu hết đều là tín đồ của Tôn Trung Sơn và chủ nghĩa Tam Dân. Hoạt động của *Thu xã* tập trung chủ yếu vào việc in ấn xuất bản các sách báo tiến bộ. Một trong những cuốn sách đầu tiên được biên soạn và xuất bản tại đây là cuốn *Tiểu sử và học thuyết Tôn Dật Tiên, Thủ lĩnh Đảng cách mạng Trung Hoa* của Dật Công (Phạm Tuấn Lâm) và Nhượng Tống (Hoàng Phạm Trân). Trong Lời giới thiệu, các tác giả viết: “Chúng tôi biên soạn cuốn sách này, chỉ vì lòng sùng bái anh hùng. Tinh linh anh hùng chưa chết, sự nghiệp anh hùng vẫn còn, đem anh hùng giới thiệu với bà con, âu cũng rộng cho kẻ biết rằng: Anh hùng như thế! Anh hùng là thế!”.

“Ấy là ai? Ấy là ai? Hỏi bốn vạn vạn người Tàu, tất họ đồng thanh mà đáp là Tôn Trung Sơn tiên sinh vậy” (10). *Nam Đông Thu xã* còn dự định sẽ biên dịch và xuất bản các trước tác của Tôn Trung Sơn bằng tiếng Việt. Nhưng rồi sau đó *Thu xã* bị chính quyền Pháp ra lệnh đóng cửa nên không thực hiện được.

Ngoài *Nam Đông Thu xã*, trên một số báo chí đương thời cũng giới thiệu nhiều bài viết về Tôn Trung Sơn và chủ nghĩa Tam Dân. Đặc biệt, tờ báo *Tiếng dân* xuất bản ở Huế đã dành 54 số từ cuối tháng 11 năm 1927 đến đầu tháng 6 năm 1928 để đăng bản dịch tiếng Việt “*Chủ nghĩa Tam dân của Tôn Văn*”. Tất nhiên, bên cạnh những bài viết tích cực, cũng có một số bài viết đăng trên các tờ *Nam Phong và Trung Bắc Tân văn* mang nặng tính chất châm chọc và tìm cách bôi nhọ, xuyên tạc Tôn Trung Sơn và Chủ nghĩa Tam dân.

Trên cơ sở *Nam Đông Thu xã*, ngày 25-12-1927, Việt Nam Quốc dân đảng được thành lập. Nhưng do cơ sở xã hội non yếu, lại ra đời trong điều kiện tư tưởng của chủ nghĩa Mác-Lênin đã bắt đầu ăn sâu bén rễ trong các tầng lớp nhân dân nên Việt Nam Quốc dân đảng trong suốt 2 năm tồn tại đã không đưa ra được một cương lĩnh chính trị nhất quán, rõ ràng.

Về mục đích, đảng này nêu rõ phải đánh đổ nền quân chủ chuyên chế, lập nước Việt Nam dân quốc cộng hoà, trong đó nhân dân được hưởng các quyền tự do ngôn luận, đi lại, hội họp, tự do tín ngưỡng.

Để thực hiện được mục tiêu trên, Việt Nam Quốc dân đảng chủ trương chia quá trình cách mạng thành 3 thời kỳ. *Thời kỳ thứ nhất* là thời kỳ phối thai hay thời kỳ bí mật tiến hành phát triển đảng viên và gây dựng cơ sở đảng; *Thời kỳ thứ hai* là dự bị bán công khai, tập trung phát triển lực lượng, xây dựng các đoàn thể quần chúng (binh đoàn, nông đoàn, công đoàn..), đồng thời lập ra các báo để tuyên truyền, cổ súy chấn hưng dân khí, tích cực chuẩn bị đội ngũ cán bộ và các phương tiện vật chất để bước vào thời kỳ khởi nghĩa. *Thời kỳ thứ ba* là thời kỳ khởi nghĩa hay thời kỳ công khai. Trong thời kỳ này, dựa trên các lực lượng đã được chuẩn bị, Việt Nam Quốc dân đảng sẽ thành lập những đoàn quân cảm tử phối hợp với anh em binh lính Việt Nam yêu nước trong quân đội Pháp dưới sự chỉ huy của các cán bộ quân sự được đào tạo ở nước ngoài nổi dậy ở các thành thị để giành thắng lợi (11).

Đến đầu năm 1929, Việt Nam Quốc dân đảng tiếp tục thay đổi tôn chỉ mục đích của mình. Bản Điều lệ đã sửa đổi của Việt Nam Quốc dân đảng tháng 2 năm 1929 xác định:

a/ Đẩy mạnh cách mạng dân tộc.

b/ Xây dựng một tập đoàn cộng hoà trực tiếp.

c/ Giúp đỡ các dân tộc bị áp bức (12).

*Bản chương trình hành động* cuối cùng của Việt Nam Quốc dân đảng xuất hiện trước khi nổ ra khởi nghĩa Yên Bái còn ghi rõ nguyên tắc Tự do - Bình đẳng - Bác ái, và mục đích của đảng là cách mạng dân tộc; cách mạng chính trị và cách mạng xã hội (13). Nhưng thực chất, nội dung của các nguyên tắc đó cũng giống ba vấn đề cơ bản của Chủ nghĩa Tam dân. Điều này đã được chính Tôn Trung Sơn xác nhận trong bài nói chuyện ngày 16-3-1924 là: “Thời cách mạng Pháp, khẩu hiệu của cách mạng là Tự do - Bình đẳng - Bác ái giống như khẩu hiệu của cách mạng Trung Quốc ngày nay là Chủ nghĩa dân tộc - Chủ nghĩa dân quyền - Chủ nghĩa dân sinh” (14).

Cho đến thời kỳ xúc tiến khởi nghĩa vũ trang, những người lãnh đạo Việt Nam Quốc dân đảng vẫn muốn tiếp tục thay đổi cương lĩnh tôn chỉ của đảng. Nhưng vì thời gian quá gấp gáp nên họ đã cắt gọt Chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn làm tôn chỉ mục đích của đảng. Trong phần “*áp dụng chủ nghĩa Tam dân*” của Việt Nam Quốc dân đảng, Trần Huy Liệu, một trong những yếu nhân của tổ chức này và là chủ biên cuốn *Tài liệu tham khảo lịch sử cách mạng cận đại Việt Nam, Tập V* đã viết: “Đến lúc này trong khi chuẩn bị một trận đánh liều mạng, các lãnh tụ của đảng cố nhiên không còn đủ thì giờ để thảo luận chủ nghĩa, chỉnh đốn chính cương, mà chỉ còn kịp “bung” toàn bộ chủ nghĩa Tam dân vào đảng. Từ đó chủ nghĩa Tam dân mới trở nên chủ nghĩa chính thức của Việt Nam Quốc Dân đảng” (15). Trên thực tế, ngay từ

xã đến lúc thành lập và có bản điều lệ dự thảo đầu tiên, Việt Nam Quốc dân đảng đã chịu ảnh hưởng tư tưởng của Chủ nghĩa Tam dân của Trung Quốc.

Tuy nhiên, cũng cần nhấn mạnh là Chủ nghĩa Tam dân có một nội dung cơ bản là chủ nghĩa cứu nước, nhằm đưa Trung Quốc lên địa vị quốc tế bình đẳng, địa vị chính trị bình đẳng, địa vị kinh tế bình đẳng, làm cho Trung Quốc tồn tại mãi mãi trên thế giới (16). Nhưng Việt Nam Quốc dân đảng lại chỉ lấy ở Chủ nghĩa Tam dân nội dung “Cách mạng dân tộc” và “Chủ nghĩa dân quyền” (17). Trong tất cả các bản Điều lệ và Chương trình hành động của mình, Việt Nam Quốc dân đảng đều tập trung vào vấn đề dân tộc, coi đấu tranh chống áp bức dân tộc và giải phóng dân tộc là yêu cầu, nhiệm vụ hàng đầu, cơ bản của đảng. Mục đích thứ nhất (a) trong Bản Điều lệ đầu tiên của Việt Nam Quốc dân đảng (1928) là “đẩy mạnh cách mạng dân tộc”; trong bản điều lệ đã sửa đổi và chương trình hành động của Việt Nam Quốc dân đảng vào năm 1929 cũng xác định là “cách mạng dân tộc”. Như vậy, cho dù tôn chỉ của đảng là “trước làm quốc gia cách mạng, sau làm thế giới cách mạng” (trong điều lệ đầu tiên); hay “đẩy mạnh cách mạng dân tộc, xây dựng nền cộng hòa trực tiếp, giúp đỡ các dân tộc bị áp bức” (trong điều lệ cuối năm 1928); hoặc “làm cách mạng dân tộc (đánh đổ đế quốc Pháp), cách mạng chính trị (đánh đổ ngôi vua), cách mạng xã hội (ban bố quyền tự do dân chủ) (trong Chương trình hành động của đảng năm 1929)... thì mục đích cuối cùng của Việt Nam Quốc dân đảng là dùng bạo lực đánh đổ ách thống trị của đế quốc Pháp để giành độc lập dân tộc, thành lập chính phủ cộng hòa, thực hiện quyền tự do dân chủ và mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển ở Việt Nam. Trong cương

lĩnh chính trị của Việt Nam Quốc dân đảng có nói đến thời kỳ kiến thiết, nhưng nội dung và bước đi còn rất chung chung như “truyền bá học vấn, giáo dục nhân dân bằng một cuộc nói chuyện công cộng, tuyên bố tự do ngôn luận” (18). Hạn chế này bắt nguồn từ cơ sở xã hội non yếu của phong trào dân tộc tư sản, nói cách khác là do tình trạng bạc nhược về kinh tế, non yếu về chính trị của giai cấp tư sản dân tộc Việt Nam. Dựa trên trạng thái của một giai cấp tư sản yếu đuối như vậy, Việt Nam Quốc dân đảng đã tiếp thu và vận dụng Chủ nghĩa Tam dân theo cách riêng của mình. Quan điểm về vấn đề dân tộc và chủ nghĩa dân tộc của Việt Nam Quốc dân đảng không giống chủ nghĩa dân tộc của Tôn Trung Sơn khi mới hình thành. Lúc đầu, Tôn Trung Sơn có khuynh hướng sai lầm là kêu gọi người Hán tộc chống lại người Mãn Thanh (19). Ông nói: “xét theo tình hình tập quán xã hội trong lịch sử Trung Quốc..., chủ nghĩa dân tộc là chủ nghĩa quốc tộc”. Ông còn nhấn mạnh: “nói chủ nghĩa dân tộc tức là chủ nghĩa quốc tộc, điều đó chỉ thoả đáng ở Trung Quốc, không thoả đáng đúng ở nước ngoài” (20). Trong khi đó, chủ nghĩa dân tộc của Việt Nam Quốc dân đảng là chủ nghĩa chống áp bức dân tộc và nô dịch dân tộc của bọn thực dân đế quốc ngoại bang. Cố nhiên, về sau quan niệm về chủ nghĩa dân tộc của Tôn Trung Sơn cũng có sự điều chỉnh, thậm chí còn được bổ sung và phát triển với Tam đại chính sách là Liên Nga, Dung cộng, Phù trợ nông công, bình quân địa quyền và tiết chế tư bản. Nhưng Việt Nam Quốc dân đảng chỉ ghi nhận trong cương lĩnh chính trị của mình chủ nghĩa dân tộc, tư bản dân quyền và dân sinh, còn nội dung Liên Nga, Dung cộng, Phù trợ nông công, bình quân địa quyền và tiết chế tư bản thì bị vứt bỏ.

Mặc dù có sự khác biệt nhất định trong quan niệm về vấn đề dân tộc (mà đó là điều tất nhiên), nhưng trước sau Việt Nam Quốc dân đảng vẫn chủ trương giải phóng dân tộc và xây dựng nền cộng hoà dân chủ theo mô hình của cách mạng ở Trung Quốc và một số nước phương Tây.

### 3. Tôn Trung Sơn - Hồ Chí Minh và cách mạng Việt Nam

Tôn Trung Sơn và Hồ Chí Minh khi còn sống chưa một lần may mắn gặp nhau. Nhưng cuộc đời, sự nghiệp của Tôn Trung Sơn đã để lại những dấu ấn sâu sắc trong tình cảm và tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trong quá trình đi tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc.

Ngày 13 tháng 11 năm 1926, khi đang hoạt động ở Quảng Châu theo phân công của Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đã viết bài đầu tiên trong loạt bài nhan đề “*Các sự biến ở Trung Quốc của đặc phái viên của chúng tôi*” gửi về đảng báo *L'Annam* do Luật sư Phan Văn Trường làm chủ nhiệm tại Sài Gòn, trong đó thông báo về những thắng lợi đầu tiên của quân cách mạng Quốc dân trong cuộc Bắc phạt do Tôn Trung Sơn phát động. Nói về tình cảm của nhân dân đối với Tôn Trung Sơn, Nguyễn Ái Quốc viết: “Sự nồng nhiệt của nhân dân chúng tỏ người Trung Quốc biết ơn dường nào vị lãnh tụ vĩ đại quá cố đã khơi dậy nơi họ ý chí tự giải phóng khỏi ách áp bức về ngoại giao mà bây giờ không gì có thể biện hộ được” (21).

Tháng 3 năm 1927, cũng từ Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc lại viết bài “*Kỷ niệm lần thứ hai ngày Tôn Dật Tiên qua đời*” gửi về đảng báo *L'Annam* số 150 (ngày 31-3-1927). Bài báo đã đánh giá rất cao công lao vĩ đại của Tôn Trung Sơn đối với Đảng Quốc dân và Nhà nước Trung Hoa.

Người viết: “Ngày hôm nay, cả nước Trung Hoa cả lòng tôn kính tưởng nhớ bác sỹ Tôn Dật Tiên, vị lãnh tụ cách mạng, người tổ chức đảng chính trị Quốc dân đảng và sáng lập nhà nước dân tộc...”. “Con người làm việc lột xác nước Trung Hoa vĩ đại, đã cống hiến cả nghị lực và cuộc đời mình cho thắng lợi sự nghiệp cả dân tộc...” (22).

Sau này, nhờ được tìm hiểu có hệ thống tư tưởng của Tôn Trung Sơn và trực tiếp tham gia vào phong trào cách mạng ở Trung Quốc, Nguyễn Ái Quốc đã khái quát Chủ nghĩa Tam dân thành mấy điểm là:

- Chủ nghĩa dân tộc: Độc lập cho mọi dân tộc;
- Chủ nghĩa dân quyền: Tự do cho nhân dân;
- Chủ nghĩa dân sinh: Hạnh phúc và hưởng thụ của nhân dân.

Người còn khẳng định đây là những cái mà Việt Nam cần, dân tộc Việt Nam đòi hỏi (23).

Năm 1945, cách mạng Tháng Tám thành công, chính quyền mới được thành lập. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lấy ba khái niệm: *Độc lập - Tự do - Hạnh phúc* để đặt tiêu ngữ cho nước Việt Nam mới. Đó chính là ba nguyên tắc lớn của Chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn, và cũng là mục tiêu cơ bản mà cách mạng Việt Nam cần đạt tới.

Tóm lại, trong quá trình nhen nhóm phong trào cách mạng ở Trung Quốc, Tôn Trung Sơn đã tìm đến và dựa vào Việt Nam để xây dựng chỗ đứng chân, triển khai các hoạt động nhằm tập hợp, chuẩn bị lực lượng tiến tới lật đổ nhà Mãn Thanh. Nhưng cũng chính thông qua những hoạt động đó, Tôn Trung Sơn và cách mạng Trung Quốc đã có ảnh hưởng ngày càng mạnh đến sự hình thành và phát triển của phong trào cách mạng Việt Nam.

Dấu ấn Tôn Trung Sơn ở Việt Nam không chỉ biểu hiện bằng những chuyến viếng thăm, những lần trú ngụ, những năm tháng tuyên truyền, hoạt động của ông từ Nam đến Bắc, mà còn in đậm trong tư tưởng chính trị, cơ cấu tổ chức và phương hướng hoạt động của nhiều tổ chức yêu nước Việt Nam. Nhiều nhà cách mạng Việt Nam, đặc biệt là lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh hết sức kính trọng và yêu mến Tôn Trung Sơn không chỉ vì Ông là nhà cách mạng vĩ đại của nước Trung Quốc anh em, mà còn vì Chủ nghĩa Tam dân do ông đề xuất “*có nhiều điểm thích hợp*” với điều kiện Việt Nam, và Người nguyện “*cố gắng làm người học trò nhỏ của ông*” (24) cũng như của Các Mác trên con đường đấu tranh vì *Độc lập, Tự do và Hạnh phúc* của dân tộc và nhân dân Việt Nam.

## **CHÚ THÍCH**

(1). *Bách khoa lịch sử thế giới, những sự kiện lịch sử nổi bật trong lịch sử thế giới*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2004, tr. 875-876.

(2). Xem Dương Trung Quốc. *Tôn Trung Sơn ở Hàng Buồm*, Vietnam.net, 19-7-2005.

(3). Dương Trung Quốc, t.lđd. Theo tác giả, Tôn Trung Sơn đã có 5 lần đến Việt Nam.

(4). *Tự truyện của Tôn Trung Sơn/Tôn Trung Sơn, Chủ nghĩa Tam Dân*, Nxb. Viện Thông tin khoa học xã hội, Hà Nội, 1995, tr. 29.

- (5), (7). *Tự truyện của Tôn Trung Sơn*, sđd, tr. 33, 37.
- (6). Theo Chương Thâu. *Mối quan hệ giữa Tôn Trung Sơn và cách mạng Tân Hợi Trung Quốc với Phan Bội Châu và cách mạng Việt Nam*. Trong *Cách mạng Tân Hợi. 90 năm sau nhìn lại 1911-2001*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002, tr. 234.
- (8). Theo Nam Đồng Thư Xã, *Tiểu sử và học thuyết Tôn Dật Tiên*. Vũ Khiêu (Chủ biên), *Phạm Tuấn Tài. Cuộc đời và tác phẩm*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 405.
- (9). Chương Thâu, sđd, tr. 228.
- (10). *Tiểu sử và học thuyết Tôn Dật Tiên*. Vũ Khiêu chủ biên, *Phạm Tuấn Tài. Cuộc đời và tác phẩm*, sđd, tr. 388, 387.
- (11). Trần Huy Liệu, Văn Tạo: *Tài liệu tham khảo lịch sử cách mạng cận đại Việt Nam*, Tập V, Ban nghiên cứu Văn - Sử - Địa xuất bản, Hà Nội, 1956, tr. 32, 33.
- (12). Trần Huy Liệu, Văn Tạo. Sđd, tr. 113.
- (13), (14). Trần Huy Liệu, Văn Tạo. Sđd, tr. 121-122.
- (15). Tôn Trung Sơn. *Chủ nghĩa Tam dân*. Sđd, tr. 189.
- (16). Trần Huy Liệu, Văn Tạo. Sđd, tr. 55; Sau khi khởi nghĩa Yên Bái bùng nổ và bị đàn áp, các đảng viên *Việt Nam Quốc dân đảng* bị bắt ở tù đã nhiều lần thảo luận rất gay gắt xung quanh vấn đề chủ nghĩa của đảng. Những người bị bắt trước tháng 2 năm 1929 chỉ biết bản Điều lệ và Chương trình hành động đầu tiên. Còn số đảng viên bị bắt ngay trước và sau cuộc bạo động Yên Bái lại chỉ thừa nhận chủ nghĩa Tam dân.
- (17). *Lịch sử Việt Nam*, Tập II, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2004, tr. 231.
- (18). Về điểm này, tờ thực dân *La Revue Francaise annamite* số ngày 4-8-1929 đã viết: "Nếu chương trình của *Việt Nam Quốc dân đảng* mà bỏ hết các lời hùng hồn của đảng cách mạng Tàu nó làm cho có vẻ to tát thì người ta sẽ chỉ thấy có một câu là: "Hỡi người Pháp, nên bước đi ngay, khi đã xong việc thì sau làm gì, các người trong đảng không để ý tới vì chương trình xã hội và chương trình chính trị họ đều không có gì cả". Dẫn lại Quốc Anh. *Tìm hiểu mối quan hệ giữa khuyhnh hưởng tiểu tư sản yêu nước với phong trào công nhân*. Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 160, 1-2/1975.
- (19). Nguyễn Huy Quý, *Mấy vấn đề về vị trí lịch sử của cách mạng Tân Hợi và ý nghĩa lịch sử của chủ nghĩa Tam Dân*. Trong *Cách mạng Tân Hợi*, sđd, tr. 14.
- (20). Tôn Trung Sơn. *Chủ nghĩa Tam dân*. Sđd, tr. 50-51.
- (21). Viện Hồ Chí Minh - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. *Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 358.
- (22). Nguyễn Thành, *Ảnh hưởng của Tôn Trung Sơn và Chủ nghĩa Tam Dân ở Việt Nam*. Trong *Cách mạng Tân Hợi...*, sđd, tr. 259-260.
- (23). Theo Đỗ Tiến Sâm, *Chủ tịch Hồ Chí Minh với chủ nghĩa Tam Dân của Tôn Trung Sơn*. Trong *Cách mạng Tân Hợi...*, sđd, tr. 280.
- (24). *Danh nhân Hồ Chí Minh*. Nxb. Lao động, Hà Nội, 2000, tr. 870.